

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH B

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HSST
Ngày 26/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quế, ông Trần Hồng Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Hương, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa: Ông Trần Danh T9, Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 22/2024/TLST-HS, ngày 28/3/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HS, ngày 11/4/2024 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Văn N, sinh năm 1982.

HKTT: Phòng X, B1, N1, phường T1, quận C, thành phố H.

Nơi thường trú: PE, Chung cư T2, phường T1, quận C, thành phố H; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1956 và bà Hoàng Thị B2, sinh năm 1956; gia đình có 04 chị em, bị cáo là thứ 3; vợ là Mạc Thị N2, sinh năm 1982; có 02 con đều sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 30/9/2019, N có hành vi “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm”. Tại bản án số: 624/2020/HSPT ngày 29/12/2020 bị Tòa án nhân dân cấp cao tại H xử phạt 08 năm tù, hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam N3.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/9/2016 đến ngày 23/9/2016 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Người bị hại: Ông Đường Thiệu D, sinh năm 1973 (tên Tr.Q là TANG SHAO M, sinh ngày 05/11/1973, số hộ chiếu: E52552273 (vắng mặt).

Địa chỉ ở Tr.Q: Số 29, Phố L1, thị trấn K, huyện T3, tỉnh G, Tr.Q.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Đặng Văn L2, sinh năm 1993 (có mặt).

HKTT: Thôn P, thị trấn T4, huyện L3, tỉnh B.

Phạm Văn T5, sinh năm 1992 (có mặt).

HKTT: Thôn P, thị trấn T4, huyện L3, tỉnh B.

Vũ Đình D1, sinh năm 1987 (có mặt).

HKTT: Đội 3, xã M1, huyện T6, tp H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20h30' ngày 13/7/2016, Cục CSHS Bộ Công an (C45 nay là C02) nhận được thông tin của Cục Đối ngoại, Bộ Công an (V12), với nội dung: Văn phòng Sĩ quan liên lạc Cảnh sát, Đại sứ quán Tr.Q tại Việt Nam đề nghị phía Việt Nam giải cứu ông Đường Thiệu D (tên Tr.Q là TANG SHAO M, sinh ngày 05/11/1973, số hộ chiếu: E52552273, địa chỉ ở Tr.Q: Số 29, Phố L1, thị trấn K, huyện T3, tỉnh G, Tr.Q) bị một đối tượng tên là N (sử dụng số điện thoại 0984044444) bắt cóc vào khoảng 11h ngày 12/7/2016 và đang giam giữ tại một khách sạn gần khu vực H. Đối tượng yêu cầu ông D giao nộp 700.000 NDT (tương đương 2,5 tỷ VNĐ) nếu không sẽ chặt tay, chân nạn nhân. Khoảng 9h30' ngày 14/7/2016, cán bộ, chiến sỹ Cục CSHS Bộ Công an phối hợp với các đơn vị chức năng kiểm tra nhà nghỉ H2 ở thôn Đ, thị trấn H3, huyện T, tỉnh B (nay là phố Đ, phường H3, thị xã T) bắt quả tang Đặng Văn L2 và Vũ Đình D1 đang có hành vi giữ người trái pháp luật đối với ông Đường Thiệu D và đưa L2, D1 cùng ông D về Cơ quan CSĐT Bộ Công an làm việc.

Ngày 15/7/2016, Cơ quan CSĐT Bộ Công an tiến hành bắt khẩn cấp đối với Phạm Văn T5.

Ngày 17/9/2016, Nguyễn Văn N bị bắt theo Quyết định truy nã.

Tại cơ quan điều tra các đối tượng khai nhận:

Đầu năm 2015, thông qua một số bạn hàng buôn bán đồ gỗ người Tr.Q tại khu vực thị xã T7 (nay là thành phố T7), tỉnh B, ông Đường Thiệu D có quen biết Nguyễn Văn N. Khoảng tháng 7/2015, T.V (quốc tịch: Tr.Q, không rõ địa chỉ cụ thể) mua gỗ của N, theo hình thức mua trước thanh toán tiền sau, N yêu cầu phải có người quen bảo lãnh mới cho mua gỗ nợ tiền theo hình thức trên. T.V nhờ ông D gọi điện cho N để bảo lãnh việc mua bán gỗ giữa T.V với N. Ông D gọi cho N nói: “Ông già” (tức T.V) làm buôn bán lớn về gỗ lim, không thể trốn được, có việc gì thì cứ tìm đến ông D. N đồng ý để ông D bảo lãnh cho T.V trong việc mua bán gỗ với N. N đã nhiều lần bán đồ gỗ và cho T.V vay tiền. Đến thời điểm N không liên lạc được với T.V và ông D, T.V nợ N 2,5 tỷ đồng (cả tiền mua gỗ và tiền vay). N đã tìm kiếm T.V và ông D ở nhiều nơi nhưng không tìm được nên N nhờ nhiều người, trong đó có người đàn ông tên T8 (Quốc tịch: Tr.Q, không rõ địa chỉ cụ thể) tìm ông D và T.V để đòi nợ giúp N.

Tháng 5/2016, qua mạng xã hội Facebook, ông D quen một người phụ nữ giới thiệu tên là M2 và có tài khoản Facebook tên "M2" (ông D không biết mặt, tên tuổi và nơi ở), làm nghề buôn bán quần áo trên mạng internet tại H. M2 muốn nhờ ông D đưa sang Tr.Q mua quần áo và hai người hẹn gặp nhau tại H. Ngày 08/7/2016, ông D từ Campuchia về Thành phố H4 rồi bay ra H, mục đích đi về Tr.Q bằng đường bộ qua cửa khẩu T.T, tỉnh L4 và thông báo cho M2 biết. M2 hẹn ông D sẽ cho người tên T9 (không rõ địa chỉ) ra sân bay đón ông D và cho ông D số điện thoại của T9 để ông D

liên lạc. Khoảng 02h ngày 12/7/2016, khi đến sân bay NN4, ông D liên lạc và được người tên T9 đi xe ô tô đến đón (ông D chỉ nhớ xe màu bạc, không xác định được nhãn hiệu xe, không nhớ BKS). Khi đi qua trạm thu phí BTL - NN4 khoảng 01 km, hướng về trung tâm thành phố H, T9 dừng xe đón thêm 02 N giới và giới thiệu là bạn của T9 (sau này ông D mới biết một trong hai người tên là T8, người Tr.Q). Trên đường đi, T8 nhiều lần gọi điện thoại cho N nhưng không được nên cả nhóm đưa ông D đến nhà N ở P703 B11C N1, phường T1, quận C, thành phố H nhưng không gặp N. Vì vậy, ba người này đưa ông D đến một khách sạn gần bên xe NN4 thuộc quận H5. Khoảng 04h cùng ngày, T8 liên lạc được với N và thông báo cho N biết đang trông giữ ông D, N nói với T8: N đã chuyển sang nhà mới ở chung cư T2, quận C, thành phố H và hẹn khi trời sáng sẽ đến gặp.

Khoảng 07h ngày 12/7/2016, N đi cùng một N giới người Tr.Q (ông D không quen biết) đến phòng khách sạn mà T8 thuê gặp T8 và ông D. Tại đây, N yêu cầu ông D phải tìm T.V để lấy lại tiền cho N hoặc ông D phải có trách nhiệm trả cho N tiền vì ông D là người bảo lãnh việc mua bán, vay tiền giữa T.V và N. Ông D nói với N: “Không phải T.V không trả mà do làm ăn thua lỗ nên chưa trả được, việc này cần 3-4 ngày ông D sẽ trả và cho biết T.V vẫn đang ở T7, tỉnh B”. Lúc đó, ông D đồng ý đi cùng nhóm của T8 đến B để tìm T.V. Nhóm của T8 dùng xe ô tô của T9 đưa ông D sang T7 còn N về nhà. Tuy nhiên, khi sang T7, ông D và nhóm của T8 không tìm được T.V. Khoảng 10h cùng ngày 12/7/2016, nhóm của T8 đưa ông D đến thuê phòng 701 nhà nghỉ H2 thôn Đ, thị trấn H3, huyện T (nay là thị xã T), tỉnh B.

Theo lời khai của ông D: Tại phòng 701 nhà nghỉ H2, nhóm người của T8 sử dụng thắt lưng buộc vào cổ, đánh, ép buộc ông D phải gọi điện cho người thân gửi tiền chuộc. Khi đó, ông D đã gọi điện thoại cho người bạn ở Bình D1 để hỏi mượn tiền, người này nhắn tin hỏi ông D: “*Về việc gì, có nguy hiểm không, có cần báo Công an không, tôi đã điện báo cho Đại sứ quán rồi*”. Khi biết ông D nhắn tin cho bạn, nhóm người của T8 tiếp tục đánh ông D. Khoảng 14 hoặc 15h cùng ngày, một người bạn gọi điện cho ông D, khi chưa kịp nói gì thì ông D đã nói: “*Anh có liên lạc được với ông già không, tôi đang bị bắt cóc đây*”. Nghe ông D nói vậy, nhóm của T8 lại đánh ông D.

Cùng thời điểm đó, T8 gọi điện cho N đề nghị N cho người sang nhà nghỉ H2 trông giữ ông D để nhóm của T8 đi giải quyết một số công việc. N gọi điện cho Đặng Văn L2 nói với L2 đến nhà nghỉ H2 lo cơm nước và trông giữ ông D, có ai thì rủ đi cùng. L2 đồng ý và rủ Vũ Đình D1 cùng đi.

Khoảng 16h ngày 12/7/2016, N đến nhà nghỉ H2 gặp ông D, L2, D1 và nhóm người của T8. Tại đây, N yêu cầu ông D bằng mọi cách phải nhanh chóng tìm T.V trả tiền cho N. Lúc này, nhóm của T8 rời đi. Theo lời khai của ông D: Khi đi, nhóm của T8 đã cầm theo toàn bộ đồ đạc cá nhân của ông D gồm: 01 bao da đựng thẻ ATM, thẻ khách sạn, Card visit, 01 ví tiền trong đó có 6.600.000đ; 01 Giấy phép lái xe Tr.Q cấp cho ông D, 01 Giấy phép lái xe của Việt Nam cấp cho ông D; 01 hộ chiếu; 01 nhẫn vàng 18k trị giá 5.000.000đ; 01 vòng tay trị giá 2.000.000đ; 01 va ly đựng quần áo. Tuy nhiên, việc nhóm người của T8 lấy đồ đạc, tài sản của ông D

mang đi, N không biết. Trước khi ra về, N dặn L2 ở lại trông giữ, cơm nước cho ông D, nêu ông D đi đâu phải đi cùng và thông báo cho N biết. L2 đã trao đổi, thông báo lại cho D1 biết việc này.

Khoảng 21h ngày 12/7/2016, L2 liên lạc với Phạm Văn T5 là bạn của L2 và là em họ của N (mẹ của N là chị gái của mẹ T9) qua mạng xã hội Wechat thông báo về việc L2 đang trông giữ một người Tr.Q nợ tiền của N và rủ T9 đến chơi nhưng T9 đang ở Đ.H, Tr.Q nên không đến được. Khoảng 13h ngày 13/7/2016, N cùng 02 người đàn ông (không biết tên, không quen biết) quay lại nhà nghỉ H2 để tiếp tục nói chuyện với ông D. Trước khi ra về, N đưa cho L2 03 triệu đồng để mua cơm nước cho ông D, L2 và D1.

Khoảng 0h ngày 14/7/2016, sau khi từ Tr.Q về T9 cùng Nguyễn Văn M3, sinh năm 1979 HKTT: Thôn Đ1, xã Q, huyện G1, tỉnh B đi đến nhà nghỉ H2 thuê phòng 601 và 604. Trước khi nhận phòng, T9 và M3 lên phòng 701 và gọi L2 mở cửa. Tại đây, T9 hỏi ông D về việc nợ tiền của N rồi nhắn tin cho N biết T9 đang ở nhà nghỉ H2 và hỏi về việc nợ nần giữa N với ông D. N nhắn lại cho T9 về việc ông D hẹn 2 hoặc 3 ngày nữa sẽ trả tiền, nếu ông D gọi điện cho ai để vay tiền thì cứ cho gọi; nếu ông D không nghe lời thì chỉ đe dọa thôi, không được đánh mạnh tay. Tiếp đó, T9 sử dụng một con dao dài khoảng 40cm mang theo trước đó, dạn gấp dí vào cổ ông D rồi đe dọa: *“Mày nợ tiền của anh N thì mày phải trả. Nếu ngày mai mày không trả thì tao xin mày một cái tai, ngày kia mà không trả thì tao xin mày một cánh tay và một cẳng chân”*. Sau đó T9 cùng M3 về phòng 601 và 604 nghỉ.

Khoảng 06h ngày 14/7/2016, T9 gọi điện thoại cho Phạm Văn L5, sinh năm 1993, HKTT: Thị trấn T4, huyện L3, tỉnh B nhờ L5 đến đón và đưa T9 về nhà. Khoảng 07h cùng ngày, M3 mang đồ ăn sáng về nhà nghỉ cho L2, D1 và ông D, còn T9 và L5 đi rút tiền rồi quay lại nhà nghỉ H2. L5 vào phòng 604 chơi với M3, T9 lên phòng 701 tiếp tục đe dọa ông D rồi đi xuống phòng 601. Lúc này, M3 và L5 sang phòng 601 để nằm nghỉ cùng với T9. Đến 9h30' cùng ngày, các đối tượng bị lực lượng Cục CSHS Bộ Công an phối hợp với các đơn vị chức năng kiểm tra, bắt quả tang L2 và D1 đang trông giữ ông D tại phòng 701 nhà nghỉ H2.

Ngày 21/8/2016, ông D có đơn xác nhận lại lời khai và xác định: Ông D tự nguyện đi về B tìm T.V cùng T8 và 2 người khác. T8 là người lấy hành lý của ông D.

Sau khi được giải cứu, ngày 19/8/2016, có người Tr.Q gặp và trả đủ tài sản, hành lý cho ông D. Ông D khẳng định: Các lời khai trước là không đúng. Đến nay, ông D ổn định tâm lý nên lời khai trong đơn xác nhận là chính xác. Sau đó, Cơ quan điều tra đã nhiều lần đề nghị Văn phòng sỹ quan liên lạc Tr.Q tìm ông D để làm việc về các nội dung liên quan đến vụ án nhưng không có thông tin liên lạc và không biết ông D ở đâu.

Cơ quan điều tra đã tiến hành đấu tranh với N nhưng N khẳng định không đánh ông D, chỉ dọa và yêu cầu ông D liên lạc tìm T.V để T.V trả tiền cho N, nếu không tìm được T.V thì ông D phải trả nợ thay vì ông D là người bảo lãnh cho T.V. N có trao đổi với T9 về việc chỉ dọa ông D, không được đánh ông D và có chỉ đạo L2, D1, T9 trông giữ ông D.

* Về kết quả tương trợ tư pháp: Sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan điều tra Bộ Công an có yêu cầu tương trợ tư pháp để xác định nhân thân, danh tính và lấy lời khai của ông Đường Thiệu D (tên Tr.Q: TANG SHAO M) về nội dung vụ việc và lý do ông D thay đổi lời khai gửi Vụ hợp tác quốc tế Viện KSND tối cao làm các thủ tục yêu cầu tương trợ tư pháp từ phía Viện KSND tối cao Tr.Q.

Ngày 21/02/2024, Cơ quan CSĐT (PC02) Công an tỉnh B nhận được Thông báo được Viện kiểm sát nhân dân tối cao Tr.Q đóng dấu ngày 03/01/2020 do Cơ quan CSĐT (C02) Bộ Công an chuyển đến, xác định: *"TANG SHAO M, giới tính: Nam, quốc tịch: Tr.Q, số CMND: 362202197311051577, địa chỉ hộ khẩu: Số 30 thôn T10, xã Đ2, thôn V, thị trấn K1, huyện T11, thành phố C, tỉnh G, số điện thoại: 0084888637880. Qua lời khai của người dân địa phương và vợ của TANG SHAO M là Fu C.Xiu, TANG SHAO M vẫn ở Việt Nam. TANG SHAO M cũng liên lạc quan điện thoại với Công an tỉnh G (Tr.Q) và cho biết hiện TANG SHAO M đang ở P.T, Việt Nam. Thư TANG SHAO M gửi cơ quan chức năng Việt Nam là tự nguyện, không bị ép buộc. Trân trọng đề nghị cơ quan chức năng Việt Nam liên hệ trực tiếp với TANG SHAO M để lấy chứng cứ. Đồng thời, TANG SHAO M cho biết đã quên thông tin về "A.H". Do thư yêu cầu không cung cấp thông tin khác về "A.H" nên Viện chúng tôi không thể xác minh danh tính và các thông tin liên quan đến người này"*.

* Kết quả giám định:

Ngày 24/8/2016, Cục Cảnh sát hình sự Bộ Công an có Văn bản số 1293/C45-P7 đề nghị Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm sử dụng Công nghệ cao (C50) Bộ Công an khai thác dữ liệu còn lưu trữ trong 08 điện thoại di động (và các thẻ sim kèm theo) đã thu giữ của Nguyễn Văn Mùi, Đặng Văn L2, Vũ Đình D1, Phạm Văn T5 và ông D.

Tại công văn số 2293/C50 (TTDL) ngày 29/8/2016 của Cục cảnh sát phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao phúc đáp và cung cấp 29 trang tài liệu A4 và 8,59 GB dữ liệu khai thác từ điện thoại di động (và các thẻ sim kèm theo) của Nguyễn Văn M3 (03 điện thoại), Đặng Văn L2 (02 điện thoại), Vũ Đình D1 (01 điện thoại), Phạm Văn T5 (01 điện thoại) và của ông D (01 điện thoại). Tuy nhiên, trong hồ sơ chỉ có 29 trang tài liệu A4 thể hiện nội dung L2, T9, N trao đổi việc giữ ông D, không có 8,59 GB dữ liệu.

Ngày 05/12/2023, Cơ quan CSĐT Bộ Công an ra Quyết định trưng cầu giám định số 87/QĐ-CSHS-P2, trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giám định với nội dung: khai thác, phục hồi dữ liệu trên 07 chiếc điện thoại di động đã thu giữ của N, L2, D1, T9.

Tại kết luận giám định số 8938/KL-KTHS ngày 09/01/2024 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an và tại Biên bản làm việc ngày 14/01/2024 tại Cơ quan CSĐT (PC02) Công an tỉnh B về việc trích xuất dữ liệu trong 01 đĩa DVD chứa dữ liệu trích xuất từ các điện thoại đã giám định theo kết luận giám định số 8938/KL-KTHS ngày 09/01/2024 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an xác định: Không xác định được có nội dung nào liên quan đến vụ án.

Ngày 27/9/2016, Cơ quan CSĐT Bộ Công an ra Quyết định trưng cầu giám định số 95/C45-P7 trưng cầu Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an (C54 nay là C09) giám định chữ viết và chữ ký tại đơn xác nhận lại lời khai với chữ viết và chữ ký của ông Đường Thiệu D trong các bản tự khai, bản tường trình tại Cơ quan điều tra.

Tại kết luận giám định số 4488/C54-P5 ngày 10/11/2016 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: “Chữ ký, chữ viết trong đơn xin xác nhận lại lời khai (ký hiệu A1) và chữ ký, chữ viết của ông Đường Thiệu D tại Cơ quan điều tra (ký hiệu A2) là do cùng một người ký, viết ra”.

Bản cáo trạng số: 22/CT-VKSBN-P2, ngày 20/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đã truy tố Nguyễn Văn N về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”, theo khoản 1, điều 123 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Nguyễn Văn N về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, điều 123 của Bộ luật hình sự năm 1999; điều 38; điểm i, s, khoản 1, điều 51; điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt N tù 07 đến 10 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 08 năm tù của bản án số: 624/2020/HSPT ngày 29/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại H, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án từ 08 năm 07 tháng đến 08 năm 10 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại Vivo mặt sau bị cong vênh của ông Đường Thiệu D.

+ 01 điện thoại Nokia, số Imei: 355481050539199; 01 điện thoại Nokia, có số Imei 1: 353720078908049, số Imei 2: 353720078908056 của Nguyễn Văn N.

+ 01 điện thoại Oppo màu trắng, số Imei 1: 861485039106498, Imei 2: 861485039106480 của Vũ Đình D1.

+ 01 điện thoại Iphone 5s số Imei 358756053745142 của Phạm Văn T5.

+ 01 điện thoại Iphone màu đen bạc, số Imei: 358751051592091; 01 điện thoại Nokia màu đen, có số Imei 359554012598150 của Đặng Văn L2.

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 con dao, lưỡi bằng kim loại màu trắng, dài khoảng 25cm, chuôi màu đen, dài khoảng 28cm, lưỡi dao có thể gập vào chuôi dao.

+ 09 sim điện thoại.

Lưu hồ sơ 01 đĩa DVD.

Bị cáo nhận tội, không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên cơ quan CSĐT Bộ Công an, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo không có khiếu nại gì. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng trên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận: Ngày 12/7/2016, sau khi biết nhóm của T8 (quốc tịch Tr.Q) đã tìm và bắt giữ được ông Đường Thiệu D đưa đến phòng 701 nhà nghỉ H2 ở thôn Đ, thị trấn H3, huyện T (nay là phố Cả Đ, phường H3, thị xã T), tỉnh B mục đích để yêu cầu ông D phải trả nợ thay cho người mà ông D đã bảo lãnh mua đồ gỗ và vay tiền của Nguyễn Văn N. Nguyễn Văn N đã gọi điện bảo Đặng Văn L2 và L2 đã rủ Vũ Đình D1 và Phạm Văn T5 đến trông giữ ông D tại nhà phòng 701 nhà nghỉ H2 thay cho nhóm của T8. Khi trông giữ ông D, nhóm của D1, L2 và T9 không cho ông D ra khỏi nhà nghỉ và giám sát mọi hành động của ông D rồi thông báo lại cho N. Khoảng 9h30' ngày 14/7/2016, Cơ quan CSĐT Bộ Công an phối hợp với các đơn vị chức năng đã bắt quả tang L2, D1 đang giữ ông D trái pháp luật tại phòng 701 nhà nghỉ H2.

Hành vi của Nguyễn Văn N đã phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật”, phạm vào khoản 1, điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999 như Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đã truy tố là đúng người, đúng tội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã gây mất trật tự trị an trên địa bàn thị xã T, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tự do cá nhân của người khác được pháp luật tôn trọng và bảo vệ cũng như mối quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và các nước thành viên.

Xét về nhân thân bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 30/9/2019 đã phạm tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm”. Tại bản án số: 624/2020/HSPT ngày 29/12/2020 bị Tòa án nhân dân cấp cao tại H xử phạt 08 năm tù. Bởi vậy cần phải có một hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét thấy, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, điều 51 Bộ luật hình sự, do vậy cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần khi quyết định hình phạt và tổng hợp với bản án số: 624/2020/HSPT ngày 29/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố H theo quy định tại điều 56 Bộ luật hình sự.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Ông Đường Thiệu D không có yêu cầu bồi thường gì khác, do vậy không xem xét.

[4] Về vật chứng:

Cơ quan điều tra đã thu giữ của Nguyễn Văn M3: 01 điện thoại OPPO màu vàng nhạt, trong lắp sim số thuê bao 01659517654; 01 điện thoại OPPO màu trắng viền đen, trong lắp sim số thuê bao 0986450552; 01 điện thoại Iphone 5 màu trắng; 01 điện thoại Nokia N1280 màu đen trong lắp sim số thuê bao 01239874586.

Thu giữ của Nguyễn Văn N: 01 xe ô tô Toyota Camry màu đen BKS: 30V-8903 cùng đăng ký xe ô tô số 100866; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 1214737, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc số 0015659; 01 tập hợp đồng mua bán xe ô tô gồm 6 tờ có chữ ký của Mai Thị Lệ H6; bản photo của 01 tờ khai hàng hoá nhập khẩu, 01 tờ bảng kê chi tiết, 01 giấy nộp tiền, 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Ngày 01/9/2016 và ngày 24/10/2016, Cơ quan CSĐT Bộ Công an đã trả lại 04 chiếc điện thoại cho Nguyễn Văn M3; trả lại 01 chiếc xe ô tô BKS: 30V-8903 cùng các giấy tờ cho Nguyễn Văn N, do vậy không xem xét.

Ngoài ra Cơ quan điều tra có thu giữ 07 chiếc điện thoại các loại của ông Đường Thiệu D, Nguyễn Văn N, Vũ Đình D1, Phạm Văn T5 và Đặng Văn L2.

Xét thấy ông Đường Thiệu D không có yêu cầu lấy lại chiếc điện thoại, những chiếc điện thoại thu giữ của N, D1, T9 và L2 là phương tiện phạm tội, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 con dao, lưỡi bằng kim loại màu trắng, dài khoảng 25cm, chuôi màu đen, dài khoảng 28cm, lưỡi dao có thể gập vào chuôi dao, xét thấy đây là công cụ phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

Liên quan trong vụ án này có: Đặng Văn L2, Vũ Đình D1 và Phạm Văn T5 đã có hành vi trông giữ ông Đường Thiệu D tại phòng 701 nhà nghỉ H2 theo yêu cầu của N. Sau khi được Cơ quan CSĐT Bộ Công an thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, ngày 11/10/2017, T9 có hành vi phạm tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng" và bị Toà án nhân dân huyện Lương Tài, tỉnh B xử phạt 15 tháng tù; Vũ Đình D1 và Đặng Văn L2 không phạm tội mới. Ngày 23/11/2023, Cơ quan CSĐT Bộ Công an phục hồi điều tra vụ án thì thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đặng Văn L2, Vũ Đình D1 và Phạm Văn T5 đã hết theo quy định tại Điều 23 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 27 Bộ luật hình sự năm 2015. Ngày 28/02/2024, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với Đặng Văn L2, Vũ Đình D1 và Phạm Văn T5 là đúng quy định của pháp luật.

Đối với anh Phú Xuân Võ, sinh năm 1994, HKTT: Ấp Đ, thị trấn H3, huyện T là chủ nhà nghỉ H2 có hành vi cho các đối tượng thuê phòng 701 nhưng không ghi chép thông tin của người thuê phòng và người lưu trú tại phòng 701 của nhà nghỉ. Công an huyện T đã xử phạt hành chính đối với anh Võ là phù hợp pháp luật.

Đối với hành vi bắt giữ người trái pháp luật của T8 (người Tr.Q) và 02 người thanh niên đi cùng T8: Hiện nay chưa xác định được nhân thân, lai lịch của T8 và 02 thanh niên đi cùng. Mặt khác, tội phạm mà các đối tượng thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng. Đến nay hành vi của T8 và 02 thanh niên đi cùng cũng đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên cơ quan điều tra không đặt ra để giải quyết là phù hợp.

Đối với hành vi chiếm đoạt hành lý, tiền, vàng của Đường Thiệu D: Căn cứ đơn xác nhận lại lời khai của ông D ngày 21/8/2016 xác định là hành lý, tiền, vàng ông D đã nhận lại đầy đủ. Do vậy không xem xét.

Đối với hành vi bắt giữ rồi đe dọa, ép buộc ông D gọi điện cho người thân để trả cho Nguyễn Văn N số tiền 2,5 tỷ đồng. Tuy nhiên chỉ có lời khai của Dân, T9, L2 xác định có việc T9 đe dọa Dân buộc Dân phải trả tiền cho N, không có bất cứ tài liệu, chứng cứ gì khác. Mặt khác, từ sau khi được giải cứu khỏi nhà nghỉ H2 và từ ngày 21/8/2016 có đơn xác nhận lại lời khai đến nay, Cơ quan điều tra không làm việc được với ông D. Các tài liệu thu thập được không đủ căn cứ để xem xét xử lý các đối tượng liên quan về hành vi cưỡng đoạt tài sản hay cướp tài sản (do không xác định được người bị hại trong vụ án). Do vậy, không xem xét trong vụ án này, khi nào có đơn đề nghị giải quyết của người bị hại sẽ xem xét giải quyết sau.

Đối với 01 đĩa DVD ghi âm hỏi cung N, cần lưu hồ sơ vụ án.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng khoản 1, điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999; điều 38; điểm i, s, khoản 1, điều 51; điều 56; điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 2, điều 106; điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Nguyễn Văn N 07 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 08 năm tù của bản án số: 624/2020/HSPT ngày 29/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố H, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án là 08 năm 07 tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành hình phạt tù, nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 17/9/2016 đến ngày 23/9/2016.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại Vivo mặt sau bị cong vênh của ông Đường Thiệu D.

+ 01 điện thoại Nokia, số Imei: 355481050539199; 01 điện thoại Nokia, có số Imei 1: 353720078908049, số Imei 2: 353720078908056 của Nguyễn Văn N.

+ 01 điện thoại Oppo màu trắng, số Imei 1: 861485039106498, Imei 2: 861485039106480 của Vũ Đình D1.

+ 01 điện thoại Iphone 5s số Imei 358756053745142 của Phạm Văn T5.

+ 01 điện thoại Iphone màu đen bạc, số Imei: 358751051592091; 01 điện thoại Nokia màu đen, có số Imei 359554012598150 của Đặng Văn L2.

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 con dao, lưỡi bằng kim loại màu trắng, dài khoảng 25cm, chuôi màu đen, dài khoảng 28cm, lưỡi dao có thể gập vào chuôi dao.

+ 09 sim điện thoại.

Lưu hồ sơ 01 đĩa DVD.

Bị cáo, phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B.
- VKSND tx. T.
- THADS tx. T.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Ngọc Anh

